

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 74 /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày 17 tháng 5 năm 2019

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 556/QĐ-UBND ngày 27/02/2014; Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Mố, xã Quý Lộc, huyện Yên Định”; Quyết định số 1424/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh một số nội dung trong Quyết định số 1903/QĐ-UBND ngày 06/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường núi Mố, xã Quý Lộc, huyện Yên Định;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường núi Mố, xã Quý Lộc, huyện Yên Định;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 23/4/2019 của Công ty TNHH Xuân Trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 467/TTr-STNMT ngày 08/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Xuân Trường được khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường núi Mỏ, xã Quý Lộc, huyện Yên Định, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 91.600 m²; trong đó, diện tích khu vực khai thác 82.000 m²; diện tích khu vực khai trường 9.600 m², được giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 11 và 12 có tọa độ xác định tại Phụ lục 1 và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 121 là 3.692.112 m³; trong đó, có 53.414 m³ đá khối để xẻ.

+ Trữ lượng đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường cấp 121 huy động vào thiết kế khai thác là 2.733.279 m³; trong đó, có 35.684 m³ đá khối để xẻ.

- Thân khoáng: Dạng khối.

- Công suất khai thác: 93.000 m³/năm.

- Mức sâu khai thác: Thấp nhất +20 m.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: 30 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 07 tháng.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 181/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 22/4/2019.

Điều 2. Công ty TNHH Xuân Trường có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Lập hồ sơ thuê đất, nộp về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cấm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ.

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Giấy phép số 179/GP-UBND ngày 06/5/2015 của UBND tỉnh.

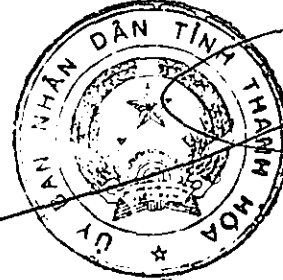
Công ty TNHH Xuân Trường chỉ được phép tiến hành các hoạt động khai thác mỏ tại khu vực trên sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận, bàn giao mỏ tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Công ty TNHH Xuân Trường;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- UBND huyện Yên Định;
- UBND xã Quý Lộc;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY
DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ QUÝ LỘC, HUYỆN YÊN ĐỊNH**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 74 /GP-UBND
ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Diện tích mỏ	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000	
		Kinh tuyến trục 105 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
		X(m)	Y(m)
S= 91.600 m ²	1	2219 074.00	557 548.00
	2	2218 879.00	557 547.00
	3	2218 877.00	557 444.00
	4	2219 006.49	557 383.77
	5	2219 073.00	557 448.00
	6	2219 105.00	557 448.00
	7	2219 104.00	557 375.00
	8	2219 015.00	557 346.00
	9	2218 979.00	557 346.00
	10	2218 932.00	557 378.00
	11'	2218 947.19	557 411.35
	11	2218 594.66	557 470.00
12	2218 705.65	557 691.67	